

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày 14/6/2021

Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 338/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị O, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số nhà 108 khóm S, Phường 8, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Thạch B, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số nhà 108 khóm S, Phường 3, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 26/11/2020 (BL 02), nguyên đơn là chị Lâm Thị O trình bày:

Năm 2011, chị O kết hôn với anh Thạch B và được Ủy ban nhân dân Phường 8, thị xã V cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/3/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng đi làm công nhân và chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh; được 01 năm thì lại cùng trở về sinh sống tại Phường 8, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, chị O với anh B đã có 01 con chung là cháu Thạch Trí B (Nam), sinh ngày 28/12/2012. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra cãi vã nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn hạnh phúc. Từ tháng 4/2016, chị O với anh B đã không còn sống chung, không còn liên lạc gì với nhau và một mình chị O nuôi dưỡng cháu B. Nay, chị O yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Thạch B.

Về con chung: Chị O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch Trí B, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị O với anh B không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do chị O giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn, Đơn xác nhận về hộ tịch của chị O; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu B (BL 03-11).

- Đối với bị đơn Thạch B: Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị O nhưng anh B không phản đối và vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh B đã được Tòa án thông báo kết quả phiên họp này. Ngày 12/4/2021, anh B có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt (BL 60) và trình bày đồng ý ly hôn với chị O, thống nhất giao cho chị O được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, khẳng định không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh nơi cư trú của bị đơn, tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, nguyện vọng, điều kiện của các đương sự; sức khỏe, tình hình phát triển, học tập của cháu Thạch Trí B (BL 24, 28).

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O, cho chị O ly hôn với anh Thạch B; giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh B không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét về tài sản và nợ chung do đương sự không yêu cầu; quyết định về án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Lâm Thị O khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Thạch B và giải quyết quyền nuôi con chung.

Yêu cầu của chị O được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hiện chị O và anh B đang đi làm công, các đương sự đều có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt 02 đương sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu B cũng như việc thừa nhận của anh B và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị O về việc kết hôn với anh B, được Ủy ban nhân dân Phường 8 cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/3/2012 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị O và anh B đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình. Tuy nhiên, chỉ vì bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, các đương sự không khắc phục được và không cùng nhau nuôi dạy con chung; người nào chỉ biết bốn phần của người đó, không sống chung với nhau từ tháng 4/2016, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh B thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị O với anh B quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Thời điểm xét xử vụ án, cháu B được trên 08 tuổi, có nguyện vọng sống cùng mẹ (BL 24); chị O đã trực tiếp nuôi dưỡng cháu B từ tháng 4/2016, đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con. Xét, việc bày tỏ nguyện vọng của cháu B là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc; Ủy ban nhân dân Phường 8 khẳng định không nhận được yêu cầu nào về việc hỗ trợ, bảo vệ, chăm sóc cho cháu B (BL 28). Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt được tốt hơn và tránh sự xáo trộn nề nếp sinh hoạt, môi trường cuộc sống của cháu B thì cần căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng; ghi nhận ý chí tự nguyện của chị O, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

- Các đương sự cùng khẳng định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Lâm Thị O phải chịu 300.000 đồng, theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị O với anh Thạch B.

2. Về con chung:

Giao cho chị Lâm Thị O được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Thạch Trí B (Nam), sinh ngày 28/12/2012.

Trong thời gian chị O nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị O, anh Thạch B không phải cấp dưỡng cho con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu B, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006461 ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND Phường 8;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐÚC CHƯƠNG